| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG**<br>**TỈNH THÁI NGUYÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 11/ 2021/ HS - ST
Ngày: 13 – 4 - 2021

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Dương Văn Phong

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Đỗ Quang Chiêu

Ông Lê Hải Nam

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Bằng Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Đức Minh- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 11/ 2021/ TLST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Thị T**, sinh ngày 16/10/1985, tại: huyện Kiến Xương - tỉnh Thái Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm Q, xã X, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Phạm Văn Dân và bà Nguyễn Thị Vân; bị cáo có chồng là Nguyễn Khắc Sơn – sinh năm 1987, có 02 con, con lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo không bị tạm giữ tạm giam, hiện đang tại ngoại tại địa phương (Có mặt).

- *Bị hại:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn SRTECH; địa chỉ: Khu Công nghiệp Sông Công 1 – thuộc phường Bách Quang, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. Người đại diện (theo ủy quyền): Ông Tạ Công Luận – Trưởng phòng Hành chính Công ty *(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)*.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Dương Văn Tiệp, sinh năm 1988; địa chỉ: xóm Thượng Vụ, xã Thành Công, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên *(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)*.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Nguyễn Duy L, sinh năm 2000; địa chỉ: xóm Thống Nhất, xã Trung

Hội, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên *(Vắng mặt)*.

+ Anh Nguyễn Huy T, sinh năm 1973; địa chỉ: xóm 1 thôn C, xã Cao Thành, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội *(Vắng mặt)*.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 09/9/2020, Phạm Thị T bắt đầu được nhận làm công nhân thời vụ tại Công ty TNHH SRTECH, địa chỉ: Tổ dân phố Tân Dương, phường Bách Quang, thành phố Sông Công. T làm việc tại dây chuyền sản xuất số 91/92 của Phân xưởng 2, công việc lắp ráp các các linh kiện là chân sạc điện thoại Samsung Galaxy loại A51 và A217. Trong quá trình làm việc, T thấy vào đầu giờ ca làm việc, Tổ trưởng Tổ sản xuất giao các linh kiện là chân sạc điện thoại Samsung Galaxy loại A51 và A217 cho công nhân bóc tách linh kiện từ các khay đựng linh kiện đưa vào dây chuyền sản xuất, quá trình bàn giao và đến khi sản xuất xong đều không có kiểm đếm. Trong thời gian nghỉ trưa, các linh kiện được đặt trên các khay để trên bàn làm việc của công nhân, không có người trông coi. Thấy có sơ hở trong quản lý tài sản của Công ty, việc trộm cắp các linh kiện điện tử dễ dàng, nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp các linh kiện điện tử đem bán lấy tiền chi tiêu cá nhân.

Thực hiện ý định đó, khoảng 12 giờ ngày 15/9/2020, vào giờ nghỉ trưa của công nhân, T lén lút lấy 02 linh kiện điện tử là chân sạc điện thoại Samsung Galaxy loại A51 và A217 tại line 91/92 cất vào Ti áo, đem đến nhà vệ sinh cất giấu, sau đó quay lại làm việc bình thường. Khi hết ca làm việc, T đến nhà vệ sinh lấy 02 linh kiện điện thoại đã trộm cắp được, cất giấu vào trong người, rồi đi qua cửa từ kiểm tra, không bị phát hiện. T mang 02 linh kiện điện tử về nhà cất giấu. Thấy việc trộm cắp dễ dàng, không bị phát hiện, nên các ngày làm việc sau đó, với cách thức như trên, mỗi ngày T trộm cắp một số linh kiện điện thoại cũng với loại chân sạc trên (T không nhớ được ngày thực hiện hành vi và không xác định được số lượng linh kiện của từng lần lấy), rồi đem về nhà cất giấu. Sau đó, T dùng điện thoại của mình liên lạc với Dương Văn Tiệp, trú tại: xóm Thượng Vụ, xã Thành Công, thị xã Phổ Yên, là chủ cửa hàng sửa chữa, mua bán linh kiện điện thoại Minh Tiệp tại tổ 6, phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên để bán các linh kiện là chân sạc điện thoại cho Tiệp, Tiệp đồng ý mua và thống nhất giá chân sạc là 50.500 đồng/ 01 chiếc. Đến khoảng 11 giờ ngày 10/10/2020, Tiệp một mình đến nhà T tại xóm Q, xã X, huyện Phú Bình. Tại đây, T đã bán cho Tiệp 1.100 linh kiện là chân sạc điện thoại với giá 60.000.000 đồng, Tiệp trả tiền cho T bằng cách chuyển tiền từ tài khoản Ngân hàng của Tiệp sang tài khoản Ngân hàng của T, rồi Tiệp nhận số linh kiện trên đem về dùng để sửa chữa điện thoại cho khách hàng. Đến ngày 23/10/2020, hành vi của T bị phát giác, đại diện Công ty SRTECH trình báo đến Cơ quan Công an.

Ngày 23/10/2020, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Thị T tại xóm Quân Trung, xã X, huyện Phú Bình, kết quả phát hiện, thu giữ tại tủ nhựa đựng quần áo tại phòng ngủ của T 01 Ti ni lon bên trong chứa 61 chiếc vi mạch điện tử chân sạc điện thoại có dòng chữ A21S và 324 chiếc vi mạch điện tử chân sạc điện thoại không rõ nhãn hiệu. Kết quả làm việc với đại diện Công ty SRTECH xác định toàn bộ 385 chân sạc điện thoại thu giữ tại nhà T đều là loại chân sạc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A51.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 57/KL-HĐĐGTS ngày 02/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Sông Công, kết luận giá trị 1.485 linh kiện điện thoại là chân sạc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A51 và Samsung Galaxy A217: 1.485 x 97.000 đồng/ chiếc = 144.045.000 đồng *(bút lục 59 - 61)*.

Quá trình điều tra, bị cáo Phạm Thị T đã khai nhận toàn bộ diễn biến nội dung sự việc như đã nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp lời khai của người làm chứng, đại diện người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Tiệp. Anh Tiệp khai, khi T gọi điện trao đổi hẹn bán linh kiện điện thoại cho anh Tiệp, T nói linh kiện là sản phẩm lỗi của Công ty, T mua lại để bán kiếm lời. Theo nội dung biên bản đối chất lần cuối cùng vào ngày 27/3/2021 giữa T và anh Tiệp, bị cáo T và anh Tiệp đều khai, khi bán linh kiện điện thoại cho anh Tiệp, T không nói cho anh Tiệp biết đó là tài sản do T trộm cắp được mà có.

Về vật chứng và đồ vật liên quan trong vụ án: 1.100 linh kiện là chân sạc điện thoại bị cáo T bán cho anh Dương Văn Tiệp, anh Tiệp đã bán lại cho nhiều khách hàng không biết tên tuổi, địa chỉ, đến nay không thu hồi được. Đối với 385 linh kiện điện tử là chân sạc điện thoại thu giữ tại nhà bị cáo T, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là Công ty TNHH SRTECH. 01 bì niêm phong ký hiệu T bên trong chứa 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9 màu xanh, 01 Ti niêm phong ký hiệu PS1 mã số PS1A070470 bên trong chứa 01 áo khoác màu vàng mặt trước có in logo và dòng chữ SRTECH trên ống tay phải in chữ LSVN và số tiền 50.000.000 đồng bị cáo T nộp Cơ quan điều tra đã được chuyển, bảo quản theo quy định về quản lý vật chứng.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 18/12/2020, bị cáo T thỏa thuận bồi thường xong cho Công ty TNHH SRTECH số tiền 100.000.000 đồng *(bút lục 67 - 68)*. Đại diện Công ty đã có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo T.

Tại bản cáo trạng số 11/ CT - VKS ngày 28/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Phạm Thị T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo T giữ nguyên lời khai tại giai đoạn điều tra, bị cáo khai chiếc điện thoại OPPO F9 của bị cáo dùng liên lạc giao dịch bán linh kiện điện thoại cho anh Tiệp, chiếc áo khoác màu vàng mặt trước có in logo và dòng chữ SRTECH là của Công ty, theo quy định khi nghỉ việc bị cáo phải trả lại cho Công ty nhưng hiện tại Cơ quan điều tra đang thu giữ, số tiền 50.000.000 đồng bị cáo giao nộp cho Cơ quan điều tra mục đích để bồi thường cho người bị hại, tuy nhiên sau đó bị cáo

đã thỏa thuận bồi thường xong cho Công ty SRTECH tổng cộng số tiền 100.000.000 đồng, nên bị cáo xin được trả lại số tiền 50.000.000 đồng bị cáo đã giao nộp cho Cơ quan điều tra. Đại diện Viện kiểm sát luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo T về tội danh và điều luật áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Thị T phạm tội "Trộm cắp tài sản"; áp dụng điểm c khoản 2 điều 173, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo T từ 24 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng. Về vật chứng, đề nghị tịch thu sung công quỹ chiếc điện thoại OPPO F9, trả lại cho Công ty SRTECH chiếc áo khoác có in logo và dòng chữ SRTECH, trả lại cho bị cáo T số tiền 50.000.000 đồng. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận, bị cáo T đã bồi thường xong cho Công ty SRTECH đủ số tiền 100.000.000 đồng. Về án phí, đề nghị buộc bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo T không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng là đã nhận thức được lỗi lầm của mình, bị cáo xin được hưởng mức án thấp, được cải tạo tại địa phương, bị cáo hứa từ nay về sau sẽ không tái phạm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1]** Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Sông Công, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

**[2]** Tại giai đoạn điều tra và phiên tòa, bị cáo Phạm Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi, diễn biến nội dung sự việc đúng như nội dung kết luận điều tra và cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của đại diện bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác Cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định: Từ ngày 15/9/2020 đến ngày 20/10/2020, tại Công ty TNHH SRTECH, địa chỉ: Tổ dân phố Tân Dương, phường Bách Quang, thành phố Sông Công, Phạm Thị T là công nhân thời vụ của Công ty đã liên tục trộm cắp của Công ty 1485 linh kiện là chân sạc điện thoại Samsung Galaxy loại A51 và A217, tổng trị giá tài sản là 144.045.000 đồng, đem bán 1.100 chiếc cho anh Dương Văn Tiệp, còn lại 385 chiếc linh kiện, T cất giấu tại gia đình, sau đó bị Cơ quan điều tra khám xét, thu giữ.

Hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Thị T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Nội dung điều luật quy định:

*"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:*

*c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.."*

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo T sinh ra, lớn lên tại địa phương, cơ bản được gia đình nuôi ăn học đầy đủ, có đủ khả năng nhận thức, làm chủ được hành vi của mình. Nhưng vì lòng tham, đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của Công ty nơi bị cáo làm việc, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đang làm công nhân và không có tiền án, tiền sự.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả và người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51; ngoài ra bị cáo được đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Căn cứ vào tính chất của vụ án, vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Trong vụ án này, mặc dù bị cáo T phạm tội thuộc vào trường hợp nghiêm trọng, nhưng xét bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, từ trước đến nay chưa từng bị kết án hoặc bị xử lý, xử phạt vi phạm hành chính, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, sau khi phạm tội đã tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải, tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại xong cho bị hại, được người đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Nên xét xử bị cáo bằng hình phạt tù, cho hưởng án treo theo đề nghị của Viện kiểm sát là cũng là đã đủ để giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sẽ xem xét, cân nhắc đến tính chất của vụ án, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, để xét xử bị cáo mức án phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy cần phạt bổ sung bị cáo T một khoản tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đối với anh Dương Văn Tiệp là người mua 1.100 linh kiện điện tử là chân sạc điện thoại di động của bị cáo T, nhưng anh Tiệp không biết đó là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có, không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh Tiệp.

**[3]** Về vật chứng và đồ vật liên quan trong vụ án: 1.100 chiếc linh kiện điện tử là chân sạc điện thoại bị cáo T bán cho anh Tiệp đến nay không thu hồi được. Đối với 385 chiếc linh kiện điện tử là chân sạc điện thoại thu giữ tại nhà bị cáo T, là tài sản bị cáo trộm cắp, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là Công ty TNHH SRTECH là đúng quy định pháp luật. Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9 bị cáo T sử dụng để giao dịch bán tài sản trộm cắp, cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước; 01 áo khoác màu vàng mặt trước có in logo và dòng chữ SRTECH là tài sản của Công ty SRTECH, trả lại cho chủ sở hữu. Đối với số tiền 50.000.000 đồng bị cáo T giao nộp, sau khi bị cáo giao nộp số tiền trên cho Cơ quan điều tra, số tiền này trả cho bị hại để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là phù hợp. Tuy nhiên, giai đoạn điều tra bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường xong cho bị hại số tiền 100.000.000 đồng. Số tiền bị cáo bán tài sản trộm cắp thu được là 60.000.000 đồng, không lớn hơn tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho bị hại. Nên Hội đồng xét xử xem xét, trả lại cho bị cáo T số tiền 50.000.000 đồng, nhưng cần tiếp tục tạm giữ lại số tiền tương đương với số tiền phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

**[4]** Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận, bị cáo Phạm Thị T đã bồi thường xong cho Công ty TNHH SRTECH số tiền 100.000.000 đồng.

**[5]** Về án phí: Bị cáo Phạm Thị T bị kết án, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

**[6]** Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào: Các Điều 106,136, 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/ 2016/ NQ – UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1**. Tuyên bố bị cáo Phạm Thị T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

**2**. Áp dụng: Điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 173; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

2.1. Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị T 30 *(ba mươi)* tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Thị T cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục đối với các bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.2. Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Phạm Thị T 10.000.000 đồng nộp vào Ngân sách Nhà nước.

**3**. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9 màu xanh đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng (đựng trong bì niêm phong ký hiệu T); Trả lại cho bị cáo T 01 áo khoác màu vàng mặt trước có in logo và dòng chữ SR Tech, trên ống tay phải in chữ LSVN (đựng bên trong Ti niêm phong ký hiệu PS1 mã số PS1A070470). *(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12/4 2021 giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sông Công).*

- Trả lại cho bị cáo T số tiền 50.000.000 đồng (được niêm phong trong phong bì ký hiệu **T1** bằng bì thư màu trắng, gói còn nguyên niêm phong, mặt sau có 03 dấu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Sông Công, chữ ký ghi rõ họ tên của 03 người. Lê Kim Nam, Nguyễn Văn Đức, Phạm Thị T. Mặt trước ghi: Bì niêm phong ký hiệu T1 bên trong chứa 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) tạm giữ của Phạm Thị T ngày 24/10/2020 *(Tiền hiện đang được gửi, bảo quản tại Kho bạc thành phố Sông Công theo biên bản giao nhận tài sản ngày 03/02/2021 giữa Công an và Kho bạc Nhà nước Sông Công thuộc Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên).* Nhưng tiếp tục tạm giữ lại số tiền 10.200.000 đồng để đảm bảo cho việc thi hành án

**4**. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận, bị cáo Phạm Thị T đã thỏa thuận, bồi thường xong cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn SRTECH số tiền 100.000.000 đồng.

**5**. Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Thị T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, nộp vào Ngân sách Nhà nước.

**6**. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo Phạm Thị T; vắng mặt người đại diện bị hại Công ty Trách nhiệm hữu hạn SRTECH là anh Tạ Văn Luận và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Dương Văn Tiệp.

Báo cho bị cáo Phạm Thị T biết, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại là Công ty Trách nhiệm hữu hạn SRTECH và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Dương Văn Tiệp được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Sông Công;
- Công an TP. Sông Công;
- Bị cáo, Bị hại; Người liên quan;
- UBND xã X, huyện Phú Bình;
  *(kèm TB Kq XX);*
- THA h.sự, d.sự ;
- Lưu.

**Dương Văn Phong**